

Số: 75/KL-TTra

An Giang, ngày 16 tháng 9 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA
Về việc quản lý sử dụng trang thiết bị y tế được đầu tư
từ ngân sách nhà nước, quy trình khám chữa bệnh
tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Châu.

Thực hiện Quyết định số 43/QĐ-TTra ngày 31/5/2024 của Chánh Thanh tra Sở Y tế về việc thanh tra việc quản lý sử dụng thiết bị y tế được đầu tư từ ngân sách nhà nước, quy trình khám chữa bệnh, quản lý sử dụng thuốc; từ ngày 05/6/2024 đến ngày 30/7/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Châu.

Xét báo cáo kết quả thanh tra việc quản lý sử dụng thiết bị y tế được đầu tư từ ngân sách nhà nước, quy trình khám chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Châu ngày 30/8/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra Sở Y tế kết luận như sau:

I. Khái quát chung:

Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Châu (sau đây viết tắt là bệnh viện), địa chỉ số 485 Nguyễn Tri Phương, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, được nâng cấp từ Bệnh viện Đa khoa thị xã Tân Châu theo Quyết định số 1792/QĐ-UBND ngày 17/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Bệnh viện là đơn vị sự nghiệp công lập chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, thanh tra của Sở Y tế về việc thực hiện các quy định chuyên môn kỹ thuật, các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; được; thiết bị y tế.

Bệnh viện đạt chuẩn hạng II theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 24/2/2016, Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 27/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang; Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 00553/AG-GPHĐ ngày 08/8/2022 do Sở Y tế tỉnh An Giang cấp; Hình thức tổ chức: Bệnh viện đa khoa. Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Châu được phân loại là đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2), mức tự bảo đảm chi thường xuyên là 108% theo Quyết định số 3384/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh An Giang về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023-2025.

Cơ cấu tổ chức:

- Lãnh đạo gồm: Giám đốc và 03 Phó Giám đốc.

- Phòng chức năng gồm 04 phòng: Tổ chức - hành chính; Tài chính-Kế toán; Kế hoạch tổng hợp; Điều dưỡng;

- Các khoa chuyên môn gồm 16 khoa: Khám bệnh; Cấp cứu Hồi sức tích cực và chống độc; Nội; Ngoại; Nhi; Phụ sản; Nhiễm; Dược; Liên chuyên khoa; Răng hàm mặt; Y Dược cổ truyền; Vật lý trị liệu; Xét nghiệm; Chẩn đoán hình ảnh; Dinh dưỡng; Kiểm soát nhiễm khuẩn.

I. Kết quả kiểm tra, xác minh:

1. Nội dung về quản lý, sử dụng thiết bị y tế:

1.1. Văn bản do đơn vị ban hành về quản lý, sử dụng thiết bị y tế:

Quy trình mua sắm trang thiết bị y tế;

Quy trình trang cấp trang thiết bị y tế;

Quy trình sửa chữa trang thiết bị y tế;

Quy trình thanh lý tài sản cố định.

Nhận xét:

Bệnh viện có ban hành văn bản về quản lý, sử dụng thiết bị y tế và có triển khai thực hiện tại đơn vị.

1.2. Việc phân công nhân sự quản lý thiết bị y tế:

Bệnh viện phân công Phó Trưởng Khoa Dược thực hiện quản lý thiết bị y tế.

Nhận xét:

Bệnh viện có phân công nhân sự quản lý thiết bị y tế là Phó Trưởng Khoa Dược.

1.3. Hồ sơ quản lý thiết bị y tế:

Trong thời kỳ thanh tra, bệnh viện tổ chức mua sắm 01 gói thầu 03 máy điện châm với tổng giá trị là 4.950.000 đồng; tiếp nhận từ Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Khu vực phát triển đô thị tỉnh 01 gói thầu (gói thầu số 07: Thi công xây lắp và cung cấp thiết bị, thuộc Dự án: Cải tạo, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị cho bệnh viện) gồm 12 thiết bị, với tổng giá trị là 9.224.574.000 đồng.

(chi tiết tại phụ lục I)

a) Hồ sơ mua sắm thiết bị y tế:

Có văn bản đề nghị mua sắm của Khoa Ngoại và Khoa Y Dược cổ truyền; kế hoạch mua sắm của bệnh viện; sau khi có kết quả trúng thầu, bệnh viện thực hiện mua sắm, có lưu trữ hợp đồng mua bán, biên bản giao nhận, biên bản nghiệm thu, biên bản bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thiết bị y tế, hóa đơn giá trị gia tăng và thanh lý hợp đồng theo quy định.

b) Nguồn gốc thiết bị y tế: có giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ, giấy phép nhập khẩu, tờ khai hải quan, giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm, đúng với nội dung nhãn thiết bị.

c) Thực hiện phân bổ thiết bị y tế: 15 thiết bị được mua sau khi có kết quả trúng thầu, bệnh viện phân bổ cho Khoa Ngoại và Khoa Y Dược cổ truyền đã dự trù, phát huy hiệu quả sử dụng.

Nhận xét: Hồ sơ của 15 thiết bị y tế được mua trong thời kỳ thanh tra: bệnh viện có lưu trữ hồ sơ nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng sản phẩm và hồ sơ mua sắm theo quy định; phân bổ thiết bị y tế đúng các khoa đã dự trù mua sắm, phát huy hiệu quả sử dụng.

1.4. Thực hiện kiểm kê tài sản:

Năm 2022 và 2023, bệnh viện có thành lập Đoàn kiểm kê tài sản, có ban hành Kế hoạch kiểm kê tài sản, thực hiện kiểm kê tài sản thực tế và lập biên bản kiểm kê tài sản cố định thể hiện số lượng, giá trị các tài sản, số liệu theo sổ sách kế toán và số liệu theo kiểm kê thực tế.

Số liệu theo kết quả kiểm kê tài sản là thiết bị y tế cuối năm 2022, 2023

Năm	Số lượng thiết bị	Giá trị nguyên giá (VNĐ)	Giá trị còn lại (VNĐ)
2022	797	120.712.114.000	80.936.868.000
2023	800	120.717.064.000	67.334.849.000

Đối với các tài sản thuộc Gói thầu số 07 (số lượng 12 thiết bị, với tổng giá trị là 9.224.574.000 đồng) được bàn giao, đưa vào sử dụng đầu năm 2023 tại Khoa Ngoại, nhưng không thực hiện ghi tăng giá trị tài sản công vào sổ sách kế toán năm 2023.

Nhận xét: Bệnh viện có thực hiện kiểm kê tài sản vào cuối kỳ kế toán năm theo quy định tại Điều 59 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và có lập Biên bản kiểm kê tài sản theo hướng dẫn tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. Tuy nhiên, không ghi tăng tài sản (phụ lục I) theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018, được thay thế bằng Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, tính khấu hao tài sản cố định.

1.5. Thanh lý tài sản công:

Bệnh viện còn tồn 39 thiết bị y tế hư, hỏng chưa thanh lý, tổng giá trị theo nguyên giá là 4.093.882.000 đồng. (*chi tiết tại phụ lục II*)

Thực hiện trình tự thủ tục thanh lý tài sản:

- 02 thiết bị có tổng giá trị theo nguyên giá 795.000.000 đồng, bệnh viện đã nhận Quyết định số 544/QĐ-SYT ngày 26/06/2024 của Sở Y tế về thanh lý tài sản cố định của bệnh viện.

- Các thiết bị còn lại, bệnh viện đang thực hiện trình tự thủ tục thanh lý tài sản.

Nhận xét: Bệnh viện đang thực hiện trình tự thủ tục thanh lý 39 thiết bị. Tuy nhiên, việc thực hiện thanh lý tài sản công không kịp thời theo quy định tại Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công

1.6. Kiểm định, hiệu chuẩn:

- Bệnh viện có thực hiện kiểm định các thiết bị y tế theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, không thực hiện kiểm định đối với 07 thiết bị y tế.

(chi tiết tại phụ lục III)

Theo giải trình của bệnh viện, 01 thiết bị (máy đo điện tim 3 kênh) không kiểm định do hỏng, không kiểm định được; 06 thiết bị không kiểm định là do bệnh viện chậm thực hiện việc kiểm định.

- Năm 2024, bệnh viện thực hiện kiểm định không liên tục đối với thiết bị theo quy định tại Thông tư số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09/6/2014 liên tịch Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Y tế quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế, cụ thể là các thiết bị hết thời hạn kiểm định vào tháng 4/2024, được kiểm định tiếp theo vào tháng 6/2024.

(chi tiết tại phụ lục IV)

Theo giải trình của bệnh viện, năm 2024 việc kiểm định các thiết bị (hết thời hạn kiểm định tháng 4/2024) bị chậm trễ so với kế hoạch, tuy nhiên khi kiểm định tiếp theo các thiết bị này đều hoạt động tốt và cho kết quả chính xác.

Nhận xét: Bệnh viện có thực hiện kiểm định một số thiết bị y tế theo quy định; Tuy nhiên, không kiểm định đối với thiết bị y tế theo quy định tại Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2, Thông tư số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09/6/2014 liên tịch Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Y tế quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế (sau đây viết tắt là Thông tư số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT) và Thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01/8/2022 của Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế (sau đây viết tắt là Thông tư số 05/2022/TT-BYT).

1.7. Quản lý, sử dụng thiết bị y tế tại khoa, phòng:

Tổng số thiết bị y tế được kiểm tra là 45 thiết bị tại Khoa Ngoại, Khoa Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Xét nghiệm và Khoa Y Dược Cổ truyền. Trong đó:

- Thiết bị y tế đang hoạt động: 39 thiết bị.
- 06 thiết bị y tế hư hỏng chờ sửa chữa: tại Khoa Ngoại gồm 02 Đèn mổ đôi và nồi hấp Tomy; tại Khoa Xét nghiệm gồm máy xét nghiệm phân tích khí máu điện giải, máy ion đồ 5 thông số, máy phân tích huyết học 20 thông số.

(chi tiết tại phụ lục V)

Theo giải trình của bệnh viện, do nguồn kinh phí hạn hẹp, bệnh viện phải xác định thứ tự ưu tiên những thiết bị quan trọng, cấp bách thì tiến hành sửa chữa trước. Tổng kinh phí dự kiến sửa chữa: 300.000.000 đồng. Ngoài ra, bệnh viện đã tiến hành dự án “Củng cố hệ thống quản lý thiết bị y tế cho Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Châu” do Tổ chức Chăm sóc sức khỏe Hàn Quốc (KOFIH) viện trợ không hoàn lại vào cuối năm 2024, khi dự án thực hiện các thiết bị sẽ có kế hoạch sửa chữa toàn bộ.

- Lý lịch thiết bị y tế: có lưu giữ lý lịch, nhưng ghi không đủ thông tin của thiết bị theo quy định, còn 01 thiết bị không có lý lịch máy.

Nhận xét: thiết bị y tế được kiểm tra tại các khoa có lý lịch máy.

Tồn tại:

- Bệnh viện không có kế hoạch sửa chữa kịp thời thiết bị y tế hư hỏng.
- Lưu giữ lý lịch thiết bị y tế không đầy đủ, không ghi đủ thông tin của thiết bị vào lý lịch theo quy định.

1.8. Thiết bị ngưng sử dụng:

02 thiết bị ngưng sử dụng do không có hoá chất sử dụng:

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Nguồn	Năm đưa vào sử dụng	Thời gian ngưng hoạt động
1	Máy xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang	1	Sở Y tế cấp	2021	Từ tháng 07/2024
2	Máy xét nghiệm HbA1C	1	ODA	2019	Từ tháng 07/2024

Theo giải trình của bệnh viện, bệnh viện có tham gia đấu thầu hoá chất xét nghiệm tập trung tại Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Khu vực phát triển đô thị tỉnh, đang chờ kết quả đấu thầu.

Nhận xét: bệnh viện thực hiện mua sắm hoá chất xét nghiệm không kịp thời, không đảm bảo đủ hoá chất cho 02 máy xét nghiệm hoạt động.

2. Nội dung về quy trình khám chữa bệnh:

2.1. Văn bản do bệnh viện ban hành:

Quy trình khám chữa bệnh tại Khoa Khám bệnh; Quy trình tiếp đón người bệnh ngày 03/01/2024; Quy trình khám bệnh BHYT; Sơ đồ quy trình tiếp nhận khám chữa bệnh BHYT; Quy trình khám bệnh thu phí (Không BHYT); Sơ đồ quy trình tiếp nhận khám chữa bệnh thu phí; Quy trình sàng lọc Bệnh truyền nhiễm. Sơ đồ quy trình sàng lọc, cách ly bệnh truyền nhiễm, có công khai tại khu vực chờ của Khoa Khám bệnh.

Nhận xét: Bệnh viện có xây dựng quy trình khám bệnh tại Khoa Khám bệnh theo quy định; có xây dựng ngưỡng phân đầu thời gian khám bệnh trung bình theo Quyết định số 1313/QĐ-BYT ngày 22/4/2013 của Bộ Y tế ban hành hướng dẫn quy trình khám bệnh tại Khoa Khám bệnh của bệnh viện (sau đây viết tắt là Quyết định số 1313/QĐ-BYT).

2.2. Tổ chức Khoa Khám bệnh:

Khoa Khám bệnh bố trí 14 bàn khám: buồng khám Nội tổng quát: 02 bàn; buồng khám Thận – Nội tiết: 02 bàn; buồng khám người cao tuổi: 02 bàn; buồng khám cán bộ, công nhân viên, học sinh, sinh viên: 02; buồng khám dịch vụ: 02 bàn; buồng khám Da liễu: 02 bàn; Bàn khám Bảo vệ sức khỏe cán bộ 02 bàn.

2.3. Thời gian khám bệnh:

- Tổng số lượt khám tại Khoa Khám bệnh trong 04 tháng đầu năm 2024 theo dữ liệu khám chữa bệnh tại bệnh viện là 29.302 lượt khám. Trong đó, nhiều trường hợp thời gian khám kéo dài, cụ thể như sau:

+ Khám lâm sàng đơn thuần: 1.828 lượt khám trên 120 phút;

+ Khám lâm sàng có làm thêm 01 kỹ thuật xét nghiệm hoặc chẩn đoán hình ảnh: 239 lượt khám trên 180 phút;

+ Khám lâm sàng có làm thêm 02 kỹ thuật phối hợp cả xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh: 90 lượt khám trên 210 phút;

Nhận xét: Bệnh viện có tổ chức khám lâm sàng đơn thuần và khám lâm sàng có làm thêm các kỹ thuật cận lâm sàng có thời gian khám theo quy định. Tuy nhiên, tồn tại 2.157 lượt có thời gian khám kéo dài hơn so với chỉ tiêu phân đầu quy định tại Quyết định số 1313/QĐ-BYT.

2.4. Lưu lượng khám:

STT	Thời gian	Tổng số lượt khám trong tháng	Số lượt khám trung bình/01 ngày	Tổng số bàn khám	Lượt khám trung bình/01 ngày/ 01 bàn
1	Tháng 01/2024	8341	379	14	27,7
2	Tháng 02/2024	5965	271		19,3

STT	Thời gian	Tổng số lượt khám trong tháng	Số lượt khám trung bình/01 ngày	Tổng số bàn khám	Lượt khám trung bình/01 ngày/01 bàn
3	Tháng 3/2024	7450	338	14	24
4	Tháng 4/2024	7546	343		24,5

Nhận xét: lưu lượng khám trung bình mỗi bàn khám thực hiện khám bệnh nhiều nhất 28 lượt khám trong 01 ngày, phù hợp chỉ tiêu phần đầu theo Quyết định số 1313/QĐ-BYT và Thông tư số 22/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 của Bộ Y tế quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

2.5. Thực hiện quy trình khám bệnh:

Bệnh viện công khai Quy trình khám bệnh, chữa bệnh ngoại trú cho đối tượng có BHYT và không có BHYT, có sơ đồ hướng dẫn quy trình khám.

Quy trình thực hiện 04 bước: (01) tiếp đón người bệnh, (02) khám lâm sàng và chẩn đoán, (03) thanh toán viện phí, (04) phát và lĩnh thuốc.

Thực tế về thời gian khám như sau:

a) Khám lâm sàng, chẩn đoán và chỉ định điều trị, thời gian khám của 10 trường hợp cụ thể như sau:

STT	Mã số người bệnh	Giờ tiếp nhận người bệnh	Giờ kết thúc khám	Thời gian khám (phút)	Chỉ tiêu phần đầu theo QĐ 1313 (phút)
1	BN00003016	13 giờ 47 phút	14 giờ 16 phút	29	120
2	BN00004859	10 giờ 00 phút	10 giờ 26 phút	26	120
3	BN00047398	7 giờ 11 phút	8 giờ 48 phút	97	120
4	BN00031042	8 giờ 52 phút	9 giờ 02 phút	10	120
5	BN00048861	7 giờ 12 phút	8 giờ 29 phút	77	120
6	BN00004853	15 giờ 13 phút	15 giờ 25 phút	12	120
7	BN00028409	9 giờ 42 phút	10 giờ 37 phút	55	120
8	BN00004220	14 giờ 46 phút	14 giờ 54 phút	8	120

STT	Mã số người bệnh	Giờ tiếp nhận người bệnh	Giờ kết thúc khám	Thời gian khám (phút)	Chỉ tiêu phần đầu theo QĐ 1313 (phút)
9	BN00021182	14 giờ 34 phút	14 giờ 40 phút	6	120
10	BN00000907	8 giờ 11 phút	10 giờ 15 phút	124	120

Nhận xét: Bệnh viện tổ chức thực hiện quy trình khám lâm sàng, chẩn đoán và chỉ định điều trị theo quy định. Tuy nhiên, trong 10 lượt khám tồn tại 01 trường hợp có thời gian khám không đúng quy định.

b) Khám lâm sàng, xét nghiệm, chẩn đoán và chỉ định điều trị của 05 trường hợp cụ thể như sau:

STT	Mã số người bệnh	Giờ tiếp nhận người bệnh	Giờ kết thúc khám	Thời gian khám (phút)	Chỉ tiêu phần đầu theo QĐ 1313 (phút)
1	BN00054700	7 giờ 35 phút	9 giờ 39 phút	124	180
2	BN00054721	8 giờ 26 phút	10 giờ 21 phút	115	180
3	BN00053956	9 giờ 42 phút	10 giờ 26 phút	44	180
4	BN00054950	7 giờ 53 phút	9 giờ 38 phút	105	180
5	BN00028008	14 giờ 18 phút	15 giờ 04 phút	46	180

Nhận xét: Bệnh viện có tổ chức quy trình khám lâm sàng, xét nghiệm, chẩn đoán và chỉ định điều trị có thời gian khám đúng theo quy định. 05 lượt khám có thời gian khám đúng theo quy định.

c) Khám lâm sàng, thực hiện kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh, chẩn đoán bệnh và chỉ định điều trị, thời gian khám của 05 trường hợp, cụ thể như sau:

STT	Mã số người bệnh	Giờ tiếp nhận người bệnh	Giờ kết thúc khám	Thời gian khám (phút)	Chỉ tiêu phần đầu theo QĐ 1313 (phút)
1	BN00027575	6 giờ 57 phút	9 giờ 02 phút	125	180
2	BN00047819	7 giờ 59 phút	9 giờ 49 phút	110	180
3	BN00054972	8 giờ 29 phút	9 giờ 40 phút	71	180

4	BN00040742	6 giờ 49 phút	8 giờ 51 phút	122	180
5	BN00054993	8 giờ 59 phút	10 giờ 01 phút	62	180

Nhận xét: Bệnh viện có tổ chức quy trình khám lâm sàng, thực hiện kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh, chẩn đoán bệnh và chỉ định điều trị có thời gian khám đúng quy định. 05 lượt khám có thời gian khám đúng theo quy định.

d) Khám lâm sàng, thực hiện kỹ thuật thăm dò chức năng, chẩn đoán bệnh và chỉ định điều trị, thời gian khám của 10 trường hợp, cụ thể như sau:

STT	Mã số người bệnh	Giờ tiếp nhận người bệnh	Giờ kết thúc khám	Thời gian khám (phút)	Chỉ tiêu phần đầu theo QĐ 1313 (phút)
1	BN00030415	7 giờ 36 phút	8 giờ 32 phút	56	180
2	BN0005691	14 giờ 17 phút	14 giờ 42 phút	25	180
3	BN00011731	9 giờ 58 phút	10 giờ 18 phút	20	180
4	BN00004844	10 giờ 19 phút	10 giờ 46 phút	27	180
5	BN00001320	7 giờ 05 phút	9 giờ 15 phút	130	180
6	BN00055021	12 giờ 52 phút	14 giờ 08 phút	76	180
7	BN00048760	14 giờ 34 phút	14 giờ 45 phút	11	180
8	BN00019868	8 giờ 46 phút	9 giờ 46 phút	60	180
9	BN00047590	14 giờ 35 phút	14 giờ 56 phút	21	180
10	BN00006027	7 giờ 19 phút	8 giờ 51 phút	92	180

Nhận xét: Bệnh viện có tổ chức quy trình Khám lâm sàng, thực hiện kỹ thuật thăm dò chức năng, chẩn đoán bệnh và chỉ định điều trị có thời gian khám đúng theo quy định. 10 lượt khám có thời gian khám đúng theo quy định.

đ) Các trường hợp thực hiện khám lâm sàng và có chỉ định 3 kỹ thuật cận lâm sàng phối hợp (xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng), thực hiện kỹ thuật hoặc chuyển khám chuyên khoa, thời gian khám thực tế 10 trường hợp, cụ thể như sau:

STT	Mã số người bệnh	Giờ tiếp nhận người bệnh	Giờ kết thúc khám	Thời gian khám (phút)	Chỉ tiêu phần đầu theo QĐ 1313(phút)
1	BN00054839	7 giờ 56 phút	9 giờ 50 phút	114	240
2	BN00054831	7 giờ 28 phút	9 giờ 34 phút	126	240
3	BN00055040	14 giờ 23 phút	15 giờ 21 phút	58	240
4	BN00001453	7 giờ 24 phút	9 giờ 51 phút	147	240
5	BN00025325	7 giờ 35 phút	9 giờ 33 phút	118	240
6	BN00032001	7 giờ 20 phút	10 giờ 03 phút	163	240
7	BN00007153	14 giờ 06 phút	15 giờ 25 phút	79	240
8	BN00019877	13 giờ 12 phút	15 giờ 00 phút	108	240
9	BN00000553	6 giờ 47 phút	9 giờ 57 phút	190	240
10	BN00054946	7 giờ 49 phút	9 giờ 57 phút	128	240

Nhận xét: Bệnh viện có tổ chức quy trình khám lâm sàng và có chỉ định làm 01, 02 hoặc 03 kỹ thuật cận lâm sàng phối hợp (xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng), thực hiện kỹ thuật hoặc chuyển khám chuyên khoa, có thời gian khám đúng theo quy định. 10 lượt khám có thời gian khám đúng theo quy định.

2.6. Các giải pháp cải tiến quy trình khám bệnh tại bệnh viện: công khai giờ khám bệnh, quy trình khám bệnh, bảng giá viện phí, đối tượng ưu tiên; bố trí nhiều điểm thu viện phí; ứng dụng phần mềm thanh toán viện phí; kết nối mạng giữa các khoa lâm sàng, cận lâm sàng, khoa dược; ...

Nhận xét: Bệnh viện có xây dựng, tổ chức thực hiện các giải pháp cải tiến quy trình khám bệnh tại bệnh viện.

III. Kết luận

1. Những mặt làm được:

1.1. Bệnh viện có ban hành văn bản về quản lý, sử dụng thiết bị y tế và triển khai thực hiện tại đơn vị.

1.2. Bệnh viện có lưu trữ hồ sơ mua sắm, nguồn gốc các thiết bị y tế được mua, nhận trong thời kỳ thanh tra.

1.3. Các thiết bị được mua, nhận trong thời kỳ thanh tra được phân bổ đúng các khoa đã dự trù, phát huy hiệu quả sử dụng.

1.4. Bệnh viện có thực hiện kiểm kê tài sản công hàng năm theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

1.5. Bệnh viện có tiến hành trình tự thủ tục thanh lý tài sản theo quy định.

1.6. Đối với thiết bị y tế được kiểm tra tại Khoa Ngoại, Khoa Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Xét nghiệm và Khoa Y Dược Cổ truyền có lý lịch máy.

1.7. Bệnh viện có ban hành quy trình khám bệnh tại Khoa Khám bệnh, xây dựng chỉ tiêu phân đầu tại đơn vị theo Quyết định số 1313/QĐ-BYT.

1.8. Lưu lượng khám trung bình mỗi bàn khám thực hiện khám trong 01 ngày phù hợp chỉ tiêu phân đầu theo Quyết định số 1313/QĐ-BYT và Thông tư số 22/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 của Bộ Y tế quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

1.9. Bệnh viện tổ chức khám bệnh ngoại trú tại Khoa Khám bệnh theo quy trình khám bệnh, chữa bệnh 04 bước công khai tại các khoa.

1.10. Bệnh viện có xây dựng, tổ chức thực hiện một số giải pháp cải tiến quy trình khám bệnh tại bệnh viện.

2. Những mặt còn tồn tại:

2.1. Bệnh viện ghi tăng tài sản không kịp thời đối với thiết bị mua sắm trong thời kỳ thanh tra (phụ lục I) theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018, được thay thế bằng Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, tính khấu hao tài sản cố định.

2.2. Bệnh viện thực hiện thanh lý tài sản công không kịp thời theo quy định tại Nghị định 151/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công đối với 39 thiết bị y tế hư, hỏng tổng giá trị theo nguyên giá là 4.093.882.000 đồng (phụ lục II).

2.3. Bệnh viện không lưu giữ và ghi đầy đủ nội dung trong lý lịch thiết bị y tế theo quy định.

2.4. Bệnh viện không kiểm định thiết bị y tế theo quy định tại Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2; Thông tư 07/2019/TT-BKHCN ngày 26/7/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN; Thông tư số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT và Thông tư số 05/2022/TT-BYT (phụ lục III).

2.5. Bệnh viện không thực hiện kiểm định định kỳ thiết bị y tế theo quy định tại Thông tư số 05/2022/TT-BYT (phụ lục IV).

2.6. Bệnh viện thực hiện sửa chữa thiết bị y tế hư hỏng chưa kịp thời đối với 06 thiết bị (phụ lục V).

2.7. Bệnh viện không đảm bảo đủ hoá chất sử dụng cho 01 máy xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang và 01 máy xét nghiệm HbA1C (phụ lục VI).

2.8. Bệnh viện còn tồn tại nhiều lượt khám (như đã khoản 2 Mục II) có thời gian khám kéo dài hơn so với chỉ tiêu phân đầu theo Quyết định số 1313/QĐ-BYT.

IV. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng: không

V. Kiến nghị các biện pháp xử lý:

1. Giám đốc Sở Y tế:

1.1. Đối với Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Châu:

Xem xét kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với Giám đốc và Phó Giám đốc Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Châu về những hạn chế, thiếu sót tại khoản 2 Mục III nêu trên.

1.2. Chỉ đạo Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế :

Thực hiện hướng dẫn Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Châu về việc thanh lý tài sản công theo quy định pháp luật.

1.3. Chỉ đạo Phòng Tổ chức cán bộ Sở Y tế:

Tham mưu Lãnh đạo Sở Y tế thực hiện kiểm điểm rút kinh nghiệm theo quy định đối với Lãnh đạo Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Châu.

2. Đối với Giám đốc Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Châu:

2.1. Xử lý hành chính:

Theo thẩm quyền xem xét, kiểm điểm trách nhiệm phù hợp với tính chất, mức độ hành vi tồn tại, thiếu sót của các cá nhân đã nêu tại khoản 2 Mục III, để xử lý theo quy định của pháp luật đối với các cá nhân có tên trong Phụ lục VI.

2.2. Kịp thời chấn chỉnh, khắc phục, chấm dứt những thiếu sót đã nêu tại khoản 2 Mục III, tập trung vào những nội dung cụ thể sau:

2.2.1. Thực hiện ghi tăng tài sản (phụ lục I) theo quy định tại Thông tư 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018, được thay thế bằng Thông tư 23/2023/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính về khấu hao tài sản cố định.

2.2.2. Thực hiện thanh lý tài sản công theo quy định tại Nghị định 151/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công đối với 39 thiết bị y tế hư, hỏng tổng giá trị theo nguyên giá là 4.093.882.000 đồng (phụ lục II).

2.2.3. Lưu trữ và ghi đầy đủ nội dung trong lý lịch thiết bị y tế theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế

2.2.4. Thực hiện kiểm định các thiết bị y tế (phụ lục III) theo quy định tại Thông tư số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT; Thông tư số 05/2022/TT-BYT; Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2; Thông tư 07/2019/TT-BKHCN ngày 26/7/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN.

2.2.5. Thực hiện sửa chữa 06 thiết bị y tế hư hỏng (phụ lục V) sớm đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

2.2.6. Đảm bảo đủ hoá chất sử dụng cho 01 máy xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang; 01 máy xét nghiệm HbA1C (phụ lục VI).

2.2.7. Chấn chỉnh quy trình khám bệnh không để người dân chờ quá thời gian theo quy định tại Quyết định số 1313/QĐ-BYT ngày 22/4/2013 của Bộ Y tế ban hành hướng dẫn quy trình khám bệnh tại Khoa Khám bệnh của bệnh viện.

Trên đây là Kết luận thanh tra về việc thanh tra việc quản lý, sử dụng thiết bị y tế được đầu tư từ ngân sách nhà nước, quy trình khám chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Châu./.

Nơi nhận:

- Giám đốc Sở Y tế;
- Thanh tra tỉnh (để báo cáo);
- Phòng Kế hoạch-Tài chính SYT;
- Phòng Tổ chức cán bộ SYT;
- Bệnh viện ĐKKV Tân Châu;
- Lưu: TTrà.

CHÁNH THANH TRA



Phạm Vĩnh Thăng

Phạm Vĩnh Thăng

